

TẠO SĨ LÊ TRỰC VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở QUẢNG BÌNH

CN. VÕ THỊ HUỲNH NHƯ

Bảo tàng Lịch sử - Văn hóa
Trường Đại học KHXH&NV Tp.HCM

Ngày 13 tháng 7 năm 1885 (tức ngày mùng 2 tháng 6 năm Ất Dậu) tại căn cứ Tân Sở thuộc Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, vua Hàm Nghi ra chiếu Cần Vương, tên chính thức là Lệnh dụ thiên hạ Cần Vương, kêu gọi sĩ phu và dân chúng toàn quốc nổi dậy chống lại sự đô hộ của người Pháp lên đất nước Đại Nam sau hiệp ước Giáp Thân (1884).

Hưởng ứng lời kêu gọi này, khắp Trung và Bắc Kỳ, nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổ ra. Ở Trung Kỳ, trước hết là Quảng Bình với Lê Trực, Nguyễn Phạm Tuân; Quảng Nam là Trần Quang Dự, Nguyễn Hàm, Nguyễn Duy Hiệu; Quảng Ngãi là Lê Trung Đình; Bình Định là Mai Xuân Thưởng...; Bắc Kỳ cũng có nhiều cuộc khởi nghĩa quan trọng như Đốc Tít ở Đông Triều, Cai Kinh ở Bắc Giang, Nguyễn Quang Bích ở Tây Bắc... Đặc biệt, xứ Bắc Kỳ cũng đang hình thành những cuộc khởi nghĩa lớn, có sức chiến đấu mạnh mẽ, có tiếng vang như Tạ Hiện ở Thái Bình, Nam Định; Nguyễn Thiện Thuật ở Hưng Yên, Hải Dương; Phạm Bành, Đinh Công Tráng ở Thanh Hóa; Lê Ninh, Phan Đình Phùng ở Đức Thọ, Hương Khê (Hà Tĩnh)...

Ở Quảng Bình, phong trào kháng chiến của nhân dân nổi lên rầm rộ, vùng Nam Quảng Bình có Đề Phú, Đề Ân, Đề Chít,... Họ lập căn cứ ở vùng núi, đánh tập kích các đường giao thông, đồn bốt địch. Phía Bắc có Cao Thượng Chí (Mai Hóa - Tuyên Hóa), ở Quảng Trạch có Mai Lượng, Trung Thuần có Lê Tuấn, Đồng Hới có Nguyễn Phạm Tuân. Nhưng tiêu biểu nhất vẫn là nghĩa quân do Đề đốc Lê Trực đứng đầu. Cuộc khởi nghĩa của Lê Trực, cùng với nghĩa quân của Nguyễn Phạm Tuân là hai trong số những cuộc khởi nghĩa nổ ra sớm nhất, có vai trò trực tiếp trong việc bảo vệ căn cứ địa của vua Hàm Nghi khi vua chuyển về Quảng Bình, đóng ở Tuyên Hóa.

Lê Trực thuở nhỏ có tên là Lê Vọng. Ông sinh năm 1841 tại làng Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Lên 5 tuổi mồ côi cha, bà mẹ một tay không nuôi nổi 7 đứa con đành đem Lê Vọng đi ở với người chị ruột là Nguyễn Thị Hân. Ông Lê Súc, chồng bà Hân làm thủ ngữ trấn ải cửa Gianh. Lê Vọng được Lê Súc cho học võ. Lê Vọng học rất giỏi, một mình đã đánh thắng được ba người con ông Lê Súc (tên là Trung, Bình, Chính. Lê Vọng kém Lê Trung mười tuổi). Năm 13 tuổi, Lê Vọng được Lê Súc đổi tên thành Lê

Trực và nhận làm con nuôi. Năm 18 tuổi, Lê Trực đã nổi tiếng một vùng. Ông quyết định ra Thanh Hóa tìm lại gốc gác của mình và tìm thầy học võ. (Lê Trực có người ông nội làm tri phủ bị cách chức vì dâng sớ lên vua đòi giảm thuế). Ông gặp Nguyễn Xuân Tuynh một nhà nho người Nghệ An ra Thanh Hóa học. Năm đó phủ Kinh Môn, Thanh Hóa rơi vào tay giặc khách. Ông đã cùng Nguyễn Xuân Tuynh thu phục Kinh Môn. Sau ba lần thi Hương ông đỗ Cử nhân rồi Tiến sĩ võ. “Kỷ Ty, Tự Đức năm thứ 22 (1869), mùa thu, tháng 9, mở Ân khoa phúc thí võ, sai Tiền quân Đô thống Hồ Tuy, lĩnh Lại bộ Thượng thư Bùi Phúc Kiên sung chức Giám thí, cho bọn Đặng Đức Tuấn 3 tên đỗ đồng Tiến sĩ xuất thân võ; lại lấy đỗ Phó bảng 22 tên (đồng Tiến sĩ võ: Đặng Đức Tuấn, Trần Văn Hiến, Lê Trực)”.

Bấy giờ đầu làng Thanh Thủy có Phạm Duy Đôn đậu Hoàng giáp, cuối làng có Lê Trực đậu Tiến sĩ võ. "Lưỡng quốc tiến sĩ" Trần Chuẩn người làng La Hà có tặng hai câu đối: "Ngô châu nhân vật chí tương thiên cổ truyền linh thủy nguyên đầu thanh thủy tú. Thử địa văn võ khoa vi nhất châu xướng trúc sơn mạch cước mã sơn cao". Tên ông được khắc vào bia “Tiến sĩ võ” ghi danh những người đỗ Tiến sĩ võ trong ba kỳ thi tổ chức dưới thời Tự Đức đặt ở Võ Thánh miếu, nơi thờ phụng và ghi danh các danh tướng Việt Nam.

Tuy nhiên, sau đó không thấy chính sử ghi chép về hoạn lộ của ông cho đến khi ông làm Đề đốc hộ thành Hà Nội dưới quyền của Tổng đốc Hoàng Diệu.

Tháng 4 năm 1882, tên đại tá Pháp Heri Rivière cùng hơn 400 quân kéo đến đóng tại đồn Thủy cách Hà Nội 5km nhằm uy hiếp Hà Thành. Ông cùng Tổng đốc Hoàng Diệu cho xây dựng tuyến phòng thủ chuẩn bị đánh Pháp và yêu cầu triều đình Huế viện binh. Ông cùng với Tổng đốc thành Hà Nội Hoàng Diệu, Tuần phủ Hoàng Hữu Xung, Đề đốc Lê Văn Trinh, Bố chính Phan Văn Tuyển, Án sát Tôn Thất Bá uống rượu hòa máu tỏ quyết tâm sống chết với Hà Thành. Tổng đốc Hoàng Diệu sai quan Án sát Tôn Thất Bá đi điều đình với Heri Rivière nhưng Tôn Thất Bá quay mặt làm phản. Bá đã báo cáo tình hình bố phòng của Hoàng Diệu để Heri Rivière đánh thành. Bá còn xin Heri Rivière cho làm Tổng đốc và dâng sớ lên Tự Đức quy tội Hoàng Diệu. Sáng 25 tháng 4 năm 1882, Heri Rivière cùng 4 tàu chiến và 450 quân tấn công thành Hà Nội. Khí giới thô sơ, không được triều đình ủng hộ, kho thuốc súng trong thành lại trúng đạn bị nổ tung. Quân giặc tập trung hỏa lực công thành, chúng dùng thang trèo qua được thành phía Tây, Hà Thành thất thủ. Hoàng Diệu cho tướng sĩ giải tán để tránh thương vong. Lê Trực cùng các quan bị triệu về Huế trị tội. Nhiều người trong triều đình can ngăn mãi ông mới được Tự Đức tha cho về quê.

Khi chiếu Cần Vương được ban ra, ông dù tuổi đã cao nhưng vẫn hăng hái cầm cờ tướng mà chiêu mộ nghĩa sĩ trong vùng.

Lê Trực lấy vùng rừng núi Thanh Thủy làm căn cứ. Ngày 5 tháng 1 năm 1886, đại úy Monteaux dẫn một đội quân tiến đánh vùng Thanh Thủy. Quân giặc tiến vào rừng gặp ngay nghĩa quân, hai bên đánh nhau quyết liệt. Cuối tháng 1 năm 1886, đại úy Monteaux lại đem quân lên, trận này do bên giặc có dẫn đường và trang bị tốt, quân đông nên nghĩa quân bị thiệt hại nhiều. Trong số những người bị bắt có một viên tú tài, đại úy Monteaux thả cho về và giao một bức thư gửi Lê Trực, khuyên Lê Trực ra giúp vua Đồng Khánh. Trong thư viên đại úy kể ra những nỗi thống khổ của hai quân vì việc chiến tranh và cái thế không thể đứng vững của nghĩa quân, khuyên Lê Trực nên ra hàng giúp vua Đồng Khánh.

Rằm tháng chạp năm Hàm Nghi thứ 2 (ngày âm lịch - ND) Lê Trực phúc thư như sau:

“Tôi vừa tiếp được thư của đại úy. Trong thư đại úy muốn mưu cầu hạnh phúc cho tất cả mọi người. Nhưng tấm lòng trung thành của tôi đối với nhà vua, bắt buộc tôi phải khi ẩn khi hiện. Song, dù ẩn hay hiện tôi cũng không khi nào tôi chịu ra đầu hàng người Pháp và vua Đồng Khánh.

Trước kia ở Hà Nội, binh lực của tôi còn nhiều mà tôi còn không chủ việc khai chiến với người Pháp thì ngày nay hẳn tôi cũng không mong muốn có cuộc chiến tranh ấy.

Đại úy yêu cầu tôi ra hàng. Nhưng đại úy không biết rằng chính bọn giáo sĩ ngoại quốc và cố đạo An Nam đã gây ra cuộc chiến tranh. Trước kia vua An Nam tuy có giết hại giáo sĩ, nhưng dân theo đạo Phật vẫn không có ác cảm gì với những người theo đạo Gia tô. Vì thế họ mới có thì giờ đúc khí giới và lập đồn lũy.

Tôi sợ dĩ hồ hào dân chúng chính đốn quân bị, cốt là để tự vệ chứ không định giết hại ai.

Tôi, hiện ốm yếu, nên bắt buộc phải cử các tướng sĩ ra giải bài ý kiến của tôi với đại úy. Đại úy cho rằng tôi bất bình về những đồn lũy bọn giáo sĩ lập nên, điều đó đúng. Vậy xin đại úy là đại biểu của nước Pháp ở đây cho biết ý tôi chỉ muốn lánh vào một nơi tĩnh mịch không phải làm nô lệ ai và ở trên một khu đất không của riêng ai hết, giữa trời và đất. Làm gì? Rồi trở nên như thế nào? Tôi không biết mà cũng không nghĩ tới. Xin chúc đại úy được khang thọ...”

Nghĩa quân Lê Trực ngày càng phát triển mạnh, địa bàn được xây dựng xen kẽ trong các làng công giáo, căn cứ mở rộng xuống làng Trung Thuần, có

những địa danh gắn với nghĩa quân như Bãi Tập (Quảng Lưu, Quảng Trạch) là nơi quần tụ và huấn luyện quân sự của nghĩa quân. Nghĩa quân bắt liên lạc với nhau, cùng phối hợp lực lượng cả phía Nam và phía Bắc tỉnh, đánh phá các trọng điểm quan trọng của địch, nghĩa quân đã tập kích đánh phá tỉnh lỵ Đồng Hới, trụ sở đầu não của bộ máy cai trị thực dân phong kiến ở Quảng Bình, làm cho chúng hết sức bối rối, ăn không ngon, ngủ không yên.

Đêm mùng 9 rạng ngày 10 tháng 5 năm 1886, nghĩa quân đột nhập thành Đồng Hới, đốt phá doanh trại địch, giết tên Bó chính gian ác Nguyễn Đình Dương, đường giao thông Huế - Đồng Hới bị cắt đứt, bị nghĩa quân phong tỏa hàng tháng liền. Tuyến đường Đồng Hới - Ba Đồn và đường liên huyện ở phía Bắc tỉnh, nghĩa quân mai phục trên đường, tập kích chặn đánh, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch. Chính quyền thực dân, phong kiến vô cùng hoảng hốt, lo sợ, lúng túng, đối phó chật vật với nghĩa quân.

Ngày 25 tháng 5 năm 1886, quân Pháp phái 57 tên hành quân ra Hà Tĩnh, đến sông Roòn (Quảng Trạch) bị nghĩa quân mai phục, tập kích, nhiều tên bị giết chết, bị bắt sống, nghĩa quân hoàn toàn làm chủ vùng này. Ngày 6 tháng 6 năm 1886, thiếu tá Grégoire đem quân từ Đồng Hới ra, dọc sông Gianh định tiến thẳng mạn ngược để ra Hà Tĩnh, thuyền giặc vừa đến đuôi làng Thanh Thủy thì bị nghĩa quân của Lê Trực mai phục đánh quyết liệt, quân Pháp phải rút và từ bỏ âm mưu đánh lên Minh Cầm. Con đường giao thông đường thủy của quân Pháp qua sông Gianh bị cắt đứt.

Cuối năm 1886, giặc Pháp có tên cố đạo ở nhà thờ Hương Phương dẫn đường bao vây nghĩa quân ở chùa. Quân của Lê Trực từ trên núi đánh xuống. Bằng vũ khí thô sơ như súng kíp, mã tấu, mác Lào và một số súng trường cướp được của giặc, nghĩa quân đã đánh cho chúng một trận toi bời phải tháo chạy xuống thuyền. Tên cố đạo bị bắn trọng thương.

Mấy ngày sau, địch tập trung 200 chiếc thuyền theo sông Rào Nậy lên uy hiếp nghĩa quân để mở đầu cho việc đóng đồn Minh Cầm. Lê Trực đã cho quân đón thông mai phục cuối đuôi Cồn Nổi. Ông lập đài quan sát trên bàu Phụng Hoàng nằm giữa đồng Lụy, sát chân hòn Lèn Bàng. Khi đoàn thuyền của địch lọt vào trận địa, ông bắn súng lệnh. Nghĩa quân trên bờ ào ra bắn chặn đầu, khóa đuôi làm cho chúng phải đổ bộ lên đồng Vãi, hai bên đánh giáp la cà từ 9 giờ sáng đến 12 giờ trưa. Quân ta thắng lớn, thu được nhiều vũ khí.

Tháng 12 năm 1886, triều đình phái Hoàng Kế Viêm ra Quảng Bình chiêu dụ đảng văn thân và khuyên Lê Trực ra hàng. “Nhưng các ông ấy cứ nhất thiết không chịu, chỉ có bọn thủ hạ lác đác vài người ra thú mà thôi. Bởi vậy, việc Hoàng Kế Viêm ra kinh lược cũng không thành công”. Trong suốt thời gian chiêu hàng này, quân Pháp cũng bất động chờ tình hình. Vì thế Tôn Thất

Đàm lợi dụng tình thế này cho triệu Lê Trực và Nguyễn Phạm Tuân lên tổ chức một đội quân ở thượng du sông Nan và tiếp nhận các toán quân từ phía Bắc dồn xuống.

Đầu năm 1887, giặc Pháp đã đặt được đại bản doanh ở Minh Cầm. Chúng đã đánh bật nghĩa quân Mai Lượng ra khỏi căn cứ Troóc và Cao Mại. Tình hình trở nên khó khăn hơn. Khí giới lương thực của nghĩa quân cạn kiệt. Nghĩa quân phải vừa sản xuất vừa chiến đấu.

Trong khi đó, đại úy Monteaux một mặt chuẩn bị tiến đánh, một mặt phái người dụ Lê Trực ra hàng. Tiếp được thư, Lê Trực phúc đáp như sau:

“Ngày mồng một tháng Ba năm Hàm Nghi thứ 3. (1887 - ND)

Tôi biết rằng đối với tôi, đại úy vẫn có tình bằng hữu. Tình ấy đại úy không thay đổi. Cũng muốn ra tiếp chuyện đại úy, nhưng trong người mệt không đi được. Năm ngoái khi người Pháp lấy kinh thành, các nơi đều nổi loạn, giáo dân thừa thế giết người, cướp của. Tôi là viên quan võ cao cấp nhất trong tỉnh nên tôi phải hợp thân vào để giúp vua giữ nước. Đại úy mới tới miền này nên trong mắt đại úy người nào cũng coi như vậy. Tháng chạp năm ngoái khi đại úy viết thư yêu cầu tôi đình chiến và giải tán quân sĩ, tôi có gửi đến đồn Quảng Khê tặng một món quà nhỏ để tỏ lòng thành thực. Từ đấy tôi tịnh dưỡng ở rừng Quảng Trạch và đã hô hào hai bên lương, giáo giảng hòa. Nhưng mới đây đại úy lại lập đồn Minh Cầm để nhìn thấu khu rừng hãi hùng này. Lập đồn ấy đại úy làm cho dân chúng hãi hùng, không phải họ ghét gì đại úy mà chính đại úy làm cho họ hoảng sợ. Làm như thế đại úy mất tiếng là người thận trọng. Tôi muốn rằng đại úy bỏ đồn Minh Cầm mà rút về Quảng Khê, thì chúng ta mới có thể đình chiến”.

Nhận được bức thư này đại úy Monteaux biết rằng Lê Trực sẽ không đầu hàng nhưng vẫn thư từ liên lạc với Lê Trực, thư từ vừa mang những lời lẽ dụ dỗ nếu ra hàng thì sẽ được bảo toàn tính mạng, nhượng bằng nếu bị bắt mà trong tay có khí giới thì tất bị giết.

Ngày mồng ba tháng ba năm Hàm Nghi thứ 3 (1887), Lê Trực lại viết một lá thư gửi viên đại úy người Pháp này như sau:

“Vua Hàm Nghi là em út của vua Kiến Phúc và là người được tôn lên trị vì. Việc vua Hàm Nghi lên ngôi được Thái hậu ân chuẩn, triều đình thỏa thuận và dân chúng hoan nghênh. Vậy vua Hàm Nghi mới là người xứng đáng trị vì và hiện vẫn còn ở ngôi báu ấy...”

Tôi, người chịu ân của tiên đế, không lẽ tôi lại thuận thay đổi một việc đã thành tựu. Việc làm vua đã định ở mệnh trời. Nếu tôi trở mặt thay lời thì không những tôi phải thẹn với rừng rú, núi non, mà sau này, khi xuống

hoàng tuyền, tôi sẽ đả tặc với tiên đế. Vậy, đại úy không nên khuyên tôi bỏ vua Hàm Nghi nữa.

Nhà tôi bị đại úy đốt cháy, nên nay đây mai đó, phải lẩn quất trong rừng... Đại úy đã biết nhân tôi là người chính trực, vậy tướng chẳng nên ngần ngại mà bỏ đồn Minh Cầm rút về Quảng Khê, cho dân được làm ăn yên ổn”.

Từ đó hai người không giao thiệp với nhau bằng thư từ nữa. Monteaux nói cho Lê Trực biết rằng quân Pháp sẽ vào đánh, Lê Trực đáp rằng mình sẵn lòng chờ.

Ngày 8 tháng 4 năm 1887, quân Pháp chia làm hai cánh tiến đánh nghĩa quân. Đêm 18 rạng ngày 19 tháng 6 năm 1887, có gián điệp chỉ đường, một toán biệt kích do đại úy Monteaux chỉ huy đột kích căn cứ nghĩa quân Lê Trực ở vùng núi Thanh Thủy, nhiều người bị bắt, trong đó có vợ ông, giặc đem vợ ông về giam ở Hướng Phương (Quảng Phương). Sau trận tập kích vào căn cứ, nghĩa quân Lê Trực đã mất quá nửa quân sĩ và một số tướng lĩnh, nhưng ông vẫn tiếp tục cùng những người còn lại chiến đấu. Mặc dù bị tổn thất nặng nề nhưng đầu năm 1888 nghĩa quân Lê Trực, Tôn Thất Đàm đã cùng cánh quân Mai Lượng chiếm lại căn cứ Troóc và Cao Mại (đầu nguồn sông Nan và sông Son - hai nhánh còn lại của con sông Gianh).

Tháng 2 năm 1888, viên thiếu tá Gladet được điều động từ Hà Tĩnh vào Quảng Bình phối hợp với tên đại úy Callet dựng thêm nhiều đồn bốt tăng quân số và tần suất các cuộc càn quét. Suất đội Nguyễn Đình Tình chịu không nổi cuộc chiến đấu gian khổ đã ra đầu thú Pháp. Tình đã dụ dỗ được Trương Quang Ngọc (người thiếu số hầu cận nhà vua) phản bội. Đêm ngày 26 tháng 9 năm 1888, (có tài liệu cho rằng đêm 1/1/1888), Tình và Ngọc đã bắt được vua Hàm Nghi. Bị mất vị thủ lĩnh tinh thần, ý chí chiến đấu của quân sĩ đã giảm sút. Lê Trực lúc này cũng đang ốm nặng. Nghĩa quân ngày càng suy yếu. Ông cho quân sĩ theo Đoàn Chí Tuân (Bạch Xỉ) vượt vòng vây sang Lào, ra Hà Tĩnh phối hợp với nghĩa quân Phan Đình Phùng tiếp tục phong trào kháng chiến, còn mình ở lại trong rừng (có các con chăm sóc).

Cũng có tài liệu viết, ông cho quân lính ra đầu thú còn mình thì lui về ở ẩn “Tháng 11 (năm 1888), người đứng đầu giặc là Lê Trực, (người Quảng Bình, nguyên đỗ Tiến sĩ võ, làm quan Đề đốc) đem hơn 100 người trong bọn và súng ống, khí giới đến đồn Thuận Bài đầu thú (có đủ giấy tờ). Viện thần cho Trực đường cùng ra đầu thú, vẫn tự không biết, xem lời trong giấy có ý ngạo ngược (Trực viết hàm của ngục, không viết niên hiệu), bàn với Toàn quyền, có xử trí riêng, sau viên Toàn quyền nói: “Tên ấy ra đầu thú, quan Pháp đã cho miễn tội và ước hẹn có hậu thưởng, nay phạm phải điều vô lễ ấy, nên đình việc thưởng cho, nhưng cho miễn tội, bắt phải dụ địch, tướng tạt phải hết sức làm việc”.

Cuộc khởi nghĩa kết thúc nhưng trong thời gian tồn tại, nó đã làm đảm đương một vai trò quan trọng trong phong trào Cần Vương. Trong đó nổi bật vai trò của người lãnh đạo, Đề đốc Lê Trực.

Về cuộc đời Lê Trực từ khi sinh ra, trưởng thành, làm quan trước và sau cuộc khởi nghĩa Cần Vương cũng ít được biết và viết lại, nhưng chính ngay trong quá trình chiến đấu, tính cách và khí chất của ông đã được thể hiện rõ ràng.

Trước hết là tài trí của ông. Nói đến võ công hẳn là không thể chối bỏ tài năng của ông, người đã từng đỗ “Tiến sĩ đồng xuất thân võ”. Ngoài ra, theo một số tư liệu việc thi võ không chỉ là khảo sát võ công mà còn kiểm tra tài thao lược.

Trong chiến đấu, Lê Trực đã triệt để áp dụng chiến thuật du kích, lợi dụng địa thế vùng sông Gianh và vùng rừng núi Thanh Thủy. Giữ được sông Gianh là có thể chặn đường Bắc tiến của quân Pháp. Theo triền sông Gianh, nghĩa quân Lê Trực có thể giao thông bằng đường thủy và bộ với các nghĩa quân Cần Vương khác. Ven sông là dãy núi Hoành Sơn với các cánh rừng bát ngát, tạo thành căn cứ địa thích hợp cho chiến tranh du kích. Lê Trực chỉ huy nghĩa quân thoát ẩn thoát hiện. “Viên đại úy Mouteaux, trưởng đồn Minh Cầm, người chuyên săn đuổi vua Hàm Nghi và Lê Trực, không thực hiện được ước ao, đâm ra chán nản, xin từ chức”.

Ngoài ra, Lê Trực đóng quân ở vùng sông Gianh, lấy chiến khu Trung Thuần làm căn cứ địa, án ngữ cả huyện Quảng Trạch, giữ mặt Đông Nam cho căn cứ của vua Hàm Nghi ở Thanh Hóa, cùng với toán quân của Nguyễn Phạm Tuân làm thành vòng bảo vệ căn cứ vua Hàm Nghi, nhờ đó mà vùng hoạt động của vua Hàm Nghi thêm an toàn.

Cuộc sống, chiến đấu càng gian khổ càng làm rõ lòng trung thành với nước - ở đây là vua Hàm Nghi, lòng yêu nước của ông. Mặc dù tuổi đã cao, lại bị cách chức, ấy thế mà khi vua Hàm Nghi vừa ban chiếu Cần Vương ông lập tức hưởng ứng. Tham gia vào con đường Cần Vương này, ông đã chấp nhận hi sinh cuộc đời, gia đình cho mệnh nước, giặc Pháp đốt nhà, bắt giữ và tra tấn vợ ông, dù đau lòng nhưng người lãnh đạo nghĩa quân vẫn kiên cường chiến đấu vì lòng trung thành của mình. Vua Hàm Nghi bị bắt, nghĩa quân đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn, ông chỉ còn cách cho những người anh em của mình ra thú để bảo tồn tính mạng họ, nhưng khi ra thú¹ ông vẫn giữ cho mình tư thế hiên ngang và lòng trung thành với vị vua yêu nước. Quan viên cho rằng ông “đã cùng đường” phải ra đầu thú, nhưng trong tờ thú của mình ông vẫn dùng những lời lẽ khẳng khái và dùng “hàm của ngục, không viết niên hiệu” tức là viết theo niên hiệu của vua Hàm Nghi chứ không dùng niên hiệu Đồng Khánh.

¹. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 38, bản dịch Viện Sử học, Nxb Sử học, 1976.

Khí chất của người tướng lĩnh Lê Trục không chỉ lấy được sự tin tưởng của các nghĩa sĩ mà còn lấy được sự kính nể từ người Pháp. Đại úy Mouteaux tuy luôn muốn tiêu diệt nghĩa quân Lê Trục nhưng vẫn một lòng muốn chiêu mộ Lê Trục. “Triều đình ở Huế xem cái tờ xin ra thú, thấy lời lẽ của quan Đề đốc cũ nói khẳng khái, không được khiêm tốn, có ý muốn bắt tội, nhưng người Pháp thấy là một người trung nghĩa, có lòng quý trọng, tha cho về yên nghiệp ở nhà... Lê Trục là người phản đối với nước Pháp lúc bấy giờ, nhưng các ông ấy vì việc nước mà hết lòng làm việc bổn phận cho nên người Pháp cũng biết lượng tình mà thương tiếc. Sau ông Lê Trục về ở làng Thanh Thủy, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, người Pháp thường vẫn đi lại thăm nom và có ý kính trọng lắm. Người bản quốc thấy vậy, ai cũng lấy làm cảm phục”.

Những ngày cuối đời ông không ăn uống gì ngoài chuối và nước lã. Trước lúc hấp hối, ông ứa nước mắt nói với các con ông rằng thương nhớ nghĩa quân, những con người trung kiên ném mật nằm gai cùng ông ăn quả rừng, củ rừng để đánh Pháp mà nay vẫn nước mất nhà tan. Mộ của ông nằm dưới chân núi Đá Dù, gần chiến trường xưa, cách trụ sở UBND xã Tiến Hóa ngày nay chừng 2km về phía Tây Nam.

Lê Trục - một người con đáng tự hào của vùng đất Quảng Bình. Một tạo sĩ (Tiến sĩ võ) làm rạng danh vùng đất Quảng Bình, một thủ lĩnh phong trào Cần Vương anh hùng kiên cường, đến người Pháp cũng phải kính trọng. Gần 100 năm, kể từ ngày mất, nhưng tên tuổi ông vẫn gắn liền với những địa danh như tên làng, tên phố, tên đường. Hình ảnh, công lao cùng ý chí kiên cường của ông vẫn sống mãi trong lòng nhân dân.

Để tưởng nhớ một người con trung với nước, hiếu với dân, tận tụy, gian khổ một lòng vì tổ quốc, giang sơn, nhân dân và bà con đã góp công, góp của để xây dựng nhà thờ, mộ của ông. Nhà thờ được xây theo hình chữ Đinh, có cấu trúc rất đẹp, nhìn từ bên ngoài vào qua các ô cửa vòm sẽ thấy được các đường nét hoa văn, hoa lá, mây trăng, rồng phượng rất tinh tế, các mái lượn cong, trần cuốn vòm thể hiện màu sắc tráng lệ, thoáng mát. Di tích nhà thờ và mộ Đề đốc Lê Trục có giá trị tiêu biểu trong việc lưu niệm, ghi dấu một võ tướng trung kiên, quả cảm đã hưởng ứng phong trào Cần Vương ở Quảng Bình. Di tích vừa là nơi giáo dục truyền thống yêu nước, ý chí kiên cường bất khuất, là tấm gương sáng cho con cháu đời đời noi theo. Ngoài ra, di tích còn có giá trị trong việc nghiên cứu nghệ thuật kiến trúc, điển hình của một kiểu nhà thờ tại làng quê Quảng Bình.

Ngày 21 tháng 6 năm 1993, thay mặt Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin, Thứ trưởng Lưu Trần Tiêu đã ký công nhận Di tích Lịch sử Lãng mộ và Nhà thờ Đề đốc Lê Trục. Bộ Văn hóa Thông tin đã cấp "Bằng công nhận Di tích

Lịch sử - Văn hóa" và cấp kinh phí trùng tu nhà thờ, lăng mộ. Ngoài các hiện vật hiến tặng Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, ông Lê Duy Từ, người chắt nội của Lê Trục cũng đã sưu tầm được nhiều vật dụng, vũ khí của thời Cần Vương để tổ chức phòng trưng bày cho các thế hệ con cháu mai sau học tập.

Ngày nay, những địa danh như các hòn Bồ Muối, các kho quân lương ở Tiến Hóa và Mai Hóa, những núi Lò Rèn, khe Mài Gươm còn Đánh Mỡ, bãi Tập, đồng Đón Thông gắn liền với tên ông, vang bóng một thời trận mạc. Tên ông đã được đặt cho một số con đường ở thủ đô Hà Nội, các thành phố Huế và Đồng Hới. Ngay trên làng Thanh Thủy có hai ngôi trường mang tên ông - Trường Trung học phổ thông Lê Trục và Trường Tiểu học Lê Trục. Vào ngày 30 hàng tháng, học sinh hai trường lại đến thắp hương tưởng niệm người anh hùng của quê hương trong những ngày đầu chống thực dân Pháp xâm lược.

Tài liệu tham khảo:

1. Phan Trần Chúc, *Vua Hàm Nghi*, Nxb Thuận Hóa, 1995.
2. Hoàng Minh Đức, *Đề đốc Lê Trục - Cuộc đời và sự nghiệp*, trích từ địa chỉ <http://tapchinhatlle.vnweblogs.com/post/26168/330239>.
3. Trần Hữu Đính, *Mai Lược một võ tướng trong phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX*, Tạp chí nghiên cứu lịch sử số 3840 (6/1995).
4. Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử lược*, quyển 2, Trung tâm học liệu xuất bản, 1971.
5. Nguyễn Quang Ngọc, *Việt Nam cuối thế kỷ XIX - Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Hà Nội, Giáo dục, 2006.
6. Đặng Huy Vận, *Về cuộc kháng chiến kiên cường và anh dũng của nhân dân Quảng Bình cuối thế kỷ XIX*, Tạp chí nghiên cứu lịch sử số 106 (1/1968).
7. Sở Văn hóa Thông tin Quảng Bình, *Quảng Bình - Nước non và lịch sử*, 1998.
8. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Sử học, Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb Giáo dục, 2007.
9. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Sử học, Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 9, Nxb Giáo dục, 2007.
10. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 38, bản dịch Viện Sử học, Nxb Sử học, 1976.
11. http://www.cinet.gov.vn/uploadfile/html/baoton_baotang/ditich/chitiet/QuangBinh/ditich/khulangmoLetruc.htm.
12. <http://nguoiquangbinh.net/forum/diendan/showthread.php?t=26292>.
13. <http://www.vnmilitaryhistory.net/index.php/topic,1195.0.html>.